

NHẬN THỨC VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN THÔNG QUA MÔ HÌNH HỌC ĐẢO NGƯỢC: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TIẾNG ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Ngô Đình Phương^{1,+},
Duong Thị Hà My²

¹Trường Đại học Vinh; ²Học viên cao học chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh, khóa 28 - Trường Đại học Vinh
+ Tác giả liên hệ • Email: phuongnd@vinhuni.edu.vn

Article history

Received: 22/10/2022

Accepted: 18/12/2022

Published: 05/02/2023

Keywords

Flipped classroom, flipped learning, students' perception, students' achievement, non-English major, Vinh University

ABSTRACT

With the advancement of science and technology, teachers can easily share learning materials, increase interactions between teachers and students through flipped classrooms - a form of teaching that has attracted much attention from educators and researchers. This article aims to examine Vinh University students' perception of the flipped learning environment and explore the effect of this method on their academic achievement. Quantitative and qualitative research methods were used in this study. We have collected data through an online questionnaire survey on a sample of 102 non-English majors studying at Vinh University. The results obtained from the questionnaires, observations and interviews show that the flipped classroom model was effectively used at Vinh University, suitable with the needs of students at the university level, developing their self-esteem, their higher-order thinking and problem-solving skills. The students were satisfied with the teaching in the flipped classroom and demonstrated improvements in metacognition and self-oriented learning.

1. Mở đầu

Lớp học đảo ngược (LHDN) là phương pháp giảng dạy bằng cách “đảo ngược” phương pháp giảng dạy truyền thống nhằm thu hút sinh viên (SV) vào quá trình học tập, có nhiều ưu điểm trong dạy và học trực tuyến. Theo Bergmann & Sams (2012), Davies et al. (2013), hiệu quả của việc sử dụng lớp học đảo ngược sẽ khuyến khích các phong cách học tập khác nhau. Santikarn và Wichadee (2018) cũng cho rằng mô hình này giúp SV xây dựng sự tự tin và trách nhiệm đối với việc học, vì vậy nó nên được đưa vào các khóa học khác nhau. Trong môi trường học tập đảo ngược, có nhiều lợi thế hợp lý để tổ chức dạy học cũng như cách thức truyền thụ kiến thức. Điều này đặc biệt quan trọng đối với những giảng viên kết hợp hướng dẫn truyền thống và trực tuyến. Việc sử dụng công nghệ cho phép các bài giảng được truyền tải trực tuyến để giải phóng thời gian trên lớp, tăng cường tương tác và cộng tác, thúc đẩy sự tương tác nhiều hơn giữa SV và giảng viên, đặc biệt khi các cuộc trò chuyện trực tiếp mang tính tương tác nhiều hơn (Van Hung et al., 2017; Li & Yang, 2021). Mô hình này giúp SV có thể linh hoạt trong học tập nên bài học sẽ trở nên thú vị hơn (Luu Thị Kim Nhung và Lê Hà Chi, 2021, Mohammad, 2017). Bên cạnh những lợi ích, môi trường học tập đảo ngược cũng có nhiều thách thức như vấn đề truy cập Internet của SV (Hertz, 2012); Internet kém hoặc kết nối chậm (Ghufron & Nuridianingsih, 2021) và thiếu sự giao tiếp giữa giảng viên và SV trong các lớp học. Tuy nhiên, mô hình đảo ngược vẫn là một phương pháp hiệu quả, được xem là một giải pháp thay thế khả thi cho việc học trên lớp truyền thống.

Bài báo khảo sát nhận thức của SV không chuyên tiếng Anh, Trường Đại học Vinh về môi trường học tập đảo ngược và tìm hiểu ảnh hưởng của phương pháp này đối với thành tích học tập của SV.

2. Kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu này dựa trên khung lí thuyết về LHDN của Bergmann và Sams (2012). Theo các tác giả, LHDN nhằm đạt được: (1) Các hoạt động theo cách truyền thống trên lớp giờ được thực hiện ở nhà và việc làm theo cách truyền thống như bài tập về nhà giờ được hoàn thành trên lớp; (2) Mô hình LHDN thay đổi cách nhìn của lớp học từ một trạm kiến thức thành một nơi để SV tham gia và đánh giá quá trình tiến bộ của mình.

2.1. Khách thể và phương pháp khảo sát

- Khách thể nghiên cứu: 102 SV đại học không chuyên tiếng Anh, Trường Đại học Vinh. Nghiên cứu được thực hiện trong năm học 2020, nhằm đạt được các mục tiêu sau: Kiểm tra nhận thức của SV về việc áp dụng mô hình LHDN ở Trường Đại học Vinh; Tìm hiểu ảnh hưởng của LHDN đối với thành tích học tập của SV.

- *Phương pháp nghiên cứu*: Nghiên cứu này thu thập dữ liệu định lượng, được đánh số bằng cách sử dụng bảng câu hỏi. Thang đo Likert được sử dụng trong bảng câu hỏi vì đây là một phương pháp thu thập dữ liệu phổ biến. Bên cạnh đó, nghiên cứu định tính cũng được sử dụng để mô tả thái độ, hành vi, ý kiến hoặc quan điểm của SV. Các cuộc phỏng vấn trực tiếp, quan sát lớp học cũng được sử dụng để thu thập thông tin về hoạt động của SV trong các LHDN.

2.2. Kết quả khảo sát

2.2.1. Nhận thức của sinh viên không chuyên tiếng Anh về việc sử dụng mô hình lớp học đảo ngược

a. Kết quả thu được từ bảng câu hỏi

Bảng câu hỏi được cung cấp để điều tra về nhận thức của SV Trường Đại học Vinh với LHDN. Nó liên quan đến các mục động lực (1, 5, 6, 13), hiệu quả (7, 10, 11, 12), mức độ tương tác (2, 4, 8, 9), sự hài lòng (3, 14). 102 SV trong LHDN trả lời bảng câu hỏi. Trả lời hai câu hỏi nghiên cứu: quan điểm của SV về môi trường học tập đảo ngược và các chỉ số trung bình và độ lệch chuẩn trong nhận thức của SV được tính toán và trình bày trong các bảng sau.

Bảng 1. Quan điểm của SV về môi trường học tập đảo ngược

TT	Câu lệnh	STD (%)	D (%)	SLD (%)	STA (%)	A (%)	SLA (%)
1	LHDN có hiệu quả hơn đối với SV	0	0	3,8	21,6	42,2	31,4
2	So với các lớp học truyền thống, mô hình LHDN hấp dẫn và thú vị hơn	1	2	2	28,4	36,3	30,4
3	SV tìm thấy niềm vui trong mô hình này	1	0	2,9	30,4	40,2	25,5
4	Trong LHDN, SV trở nên năng động và tràn đầy năng lượng hơn	0	1	3,9	25,5	39,2	30,4
5	Trước buổi học, SV đã hoàn thành các bài tập	2	0	3,9	22,5	34,3	37,3
6	Có đủ thời gian để đọc trước tài liệu trước khi LHDN bắt đầu	0	2	11,8	18,6	38,2	29,4
7	SV đã học được rất nhiều từ các tài liệu học trực tuyến	1	1	6,9	22,5	31,4	37,3
8	Mô hình LHDN cho phép SV tương tác với bạn học và giảng viên nhiều hơn so với lớp học truyền thống	1	0	4,9	21,6	40,2	32,4
9	Giảng viên có thể thu hút SV tham gia vào các hoạt động trong lớp học	1	1	4,9	25,5	37,2	30,4
10	Điểm kiểm tra của SV được cải thiện với mô hình này	1	1	5,8	27,5	36,3	28,4
11	Trong buổi học đảo ngược, SV hiểu sâu hơn nội dung bài học	1	1	5,9	24,5	39,2	28,4
12	Việc học trong LHDN đã làm giảm sự phụ thuộc của SV vào giảng viên	1	2	5,9	25,5	37,3	28,4
13	Các hoạt động học tập trong LHDN đòi hỏi SV nhiều thời gian và nỗ lực hơn bình thường	0	0	2,9	21,6	42,2	33,3
14	Trong tương lai, LHDN có thể là một chiến lược giảng dạy phù hợp.	0	1	2	22,5	38,2	36,3

* *Chú thích*: STD: Rất không đồng ý; D: Không đồng ý; SLD: Không đồng ý chút ít; STA: Rất đồng ý; A: Đồng ý; SLA: Đồng ý chút ít.

Bảng 2. Chỉ số trung bình và độ lệch chuẩn trong nhận thức của SV

Thứ hạng	Số	Câu lệnh	Chỉ số trung bình	Độ lệch chuẩn
1	14	Trong tương lai, LHDN có thể là một chiến lược giảng dạy phù hợp	5,07	,870
2	13	Các hoạt động học tập trong LHDN đòi hỏi SV nhiều thời gian và nỗ lực hơn bình thường	5,06	,828
3	5	Trước các buổi học, SV đã hoàn thành các bài tập	4,99	1,039
5	8	Mô hình LHDN cho phép SV tương tác với bạn học và giảng viên nhiều hơn so với lớp học truyền thống	4,97	,949
6	4	Trong LHDN, SV trở nên năng động và tràn đầy năng lượng hơn	4,94	,899
6	7	SV đã học được rất nhiều từ tài liệu học trực tuyến	4,94	1,061
8	2	So với các lớp học truyền thống, mô hình LHDN hấp dẫn và thú vị hơn	4,88	0,998
8	9	Giảng viên có thể thu hút SV tham gia vào các hoạt động trong lớp học	4,88	0,998
10	3	SV cảm thấy thích thú với mô hình này	4,85	,905
10	11	Trong LHDN, SV hiểu sâu hơn về nội dung bài học	4,85	,999
11	10	Điểm kiểm tra của SV được cải thiện với mô hình này	4,82	1,009
13	6	Có đủ thời gian để đọc trước tài liệu trước khi LHDN bắt đầu	4,81	1,051
14	12	Học tập trong LHDN đã làm giảm sự phụ thuộc của SV vào giảng viên	4,81	1,041

Có thể thấy trong bảng 2, mục 14: “Trong tương lai, LHDN có thể là một chiến lược giảng dạy phù hợp” nhận được giá trị trung bình cao nhất ($M = 5,07$, $SD = 0,870$) trong khi mục 12 “Việc học trong LHDN đã làm giảm sự phụ thuộc của SV vào giảng viên” được xếp hạng cuối cùng với mức trung bình ($M = 4,81$, $SD = 1,041$). Mức độ nhận biết của SV về LHDN rất cao vì $M = 4,9$ ($M > 3$), tuy nhiên, $SD = 0,96$ cho thấy các câu trả lời của SV có sự khác biệt rõ rệt. Mô hình LHDN là một trải nghiệm học tập hấp dẫn thu hút sự chú ý của SV. Những SV tham gia LHDN thấy rằng đây là một mô hình học tập hiệu quả vì nó giúp họ nâng cao sự hài lòng, gắn bó và hứng thú.

b. Kết quả thu được từ quan sát lớp học

Các lớp học chúng tôi tiến hành quan sát trong nghiên cứu này có từ 20 đến 40 SV. Khi quan sát lớp học, chúng tôi tập trung ghi chép phương pháp giảng dạy, hành vi của giảng viên, tương tác giữa giảng viên và SV, tiếp nhận của SV về việc sử dụng công nghệ trong dạy học. Các hoạt động trong lớp tương đối đa dạng: trò chơi, hỏi - đáp, ý kiến cá nhân, thuyết trình..., SV được giao các nhiệm vụ trong lớp để thảo luận, thực hành và phản ánh những gì họ đã nghiên cứu từ các tài liệu môn học. Thời gian thực hiện nhiệm vụ từ 5 đến 10 phút. Sau đó, SV phải trả lời câu hỏi trong một khoảng thời gian nhất định và gửi câu trả lời của họ thông qua cuộc trò chuyện trong cuộc họp của Microsoft Team. Sau khi trả lời các câu hỏi, SV sẽ cùng nhau thảo luận và chia sẻ những suy nghĩ của mình với cả lớp.

c. Kết quả thu được từ phỏng vấn

Chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn 10 SV về sự hài lòng của họ đối với môi trường học tập đảo ngược. Trong đó, chỉ có 5 SV cho phép ghi âm các cuộc hội thoại. Đối với 5 SV còn lại, chúng tôi ghi chú để lấy thông tin. Buổi phỏng vấn bắt đầu bằng những câu hỏi về mức độ hài lòng của SV đối với mô hình LHDN tại Trường Đại học Vinh. Các cuộc phỏng vấn chỉ ra rằng, tất cả SV tham gia LHDN đều hiệu quả, phương pháp này giúp SV làm quen với quá trình tự học và cho phép họ chủ động học theo cách của riêng mình. Khi tự nghiên cứu và thảo luận, SV đã có thể hiểu sâu hơn về môn học và các môn học liên quan. Ngoài ra, mô hình LHDN cho phép có nhiều thời gian hơn để dành riêng cho việc học tương tác, giúp SV tăng động lực tham gia vào bài học. Trong các cuộc phỏng vấn, có một số ý kiến của SV về những thách thức mà họ gặp phải khi bước vào môi trường học tập đảo ngược: mất nhiều thời gian để tìm tài liệu, thiếu tương tác với giảng viên bên ngoài lớp học và kết nối Internet chậm.

2.2.2. Tác động của mô hình lớp học đảo ngược đến kết quả học tập của sinh viên

Đa số SV tham gia (95,2%) đồng ý rằng, học đảo ngược là một phương pháp giảng dạy hiệu quả, trong khi chỉ 3,8% không đồng ý ($M = 4,98$, $SD = 0,923$). Hơn nữa, những SV có nhận thức tích cực về việc sử dụng mô hình

LHĐN đều có động lực trong lớp học này. Có 94% SV trả lời rằng các bài tập đã được họ hoàn thành trước các buổi học ($M = 4,99$, $SD = 1,039$) trong khi chỉ có khoảng 6% không đồng ý về mục này. SV đã dành nhiều thời gian và đầu tư rất nhiều công sức vào việc đọc tài liệu học tập trước khi LHĐN bắt đầu ($M = 4,81$, $SD = 1,051$). Do đó, hầu hết SV (97,1%) nhận thấy rằng việc học trong LHĐN đòi hỏi nhiều thời gian và nỗ lực hơn bình thường ($M = 5,06$, $SD = 0,828$). Hơn nữa, SV cũng nói rằng họ thích các LHĐN hơn so với các bài giảng truyền thống. Đa số người tham gia (95%) đồng ý rằng LHĐN hấp dẫn và thú vị hơn các lớp học truyền thống ($M = 4,88$, $SD = 0,998$). Mô hình này đã giúp họ trở nên năng động và tràn đầy năng lượng hơn ($M = 4,94$, $SD = 0,899$) vì họ có nhiều cơ hội giao tiếp với bạn học và giảng viên hơn ($M = 4,97$, $SD = 0,949$). Theo kết quả của nghiên cứu này, vai trò của giảng viên là yếu tố cơ bản tạo nên chất lượng học tập cao. Hầu hết các SV (93,1%) nói rằng trong các hoạt động đảo ngược trong lớp học, người hướng dẫn của họ đã thu hút họ thành công ($M = 4,88$, $SD = 0,998$). Kết quả là, khoảng 96% SV có mức độ hài lòng cao với mô hình này và thích học trong môi trường LHĐN ($M = 4,85$, $SD = 0,905$). Nhìn chung, SV cho rằng việc học qua LHĐN đã mang lại hiệu quả và kết quả học tập tích cực. Các tài liệu học trực tuyến rất hữu ích cho SV nên họ đã học được rất nhiều điều từ đó ($M = 4,94$, $SD = 1,061$). Ngoài ra, phần lớn SV nghiên cứu trước tài liệu đã giúp họ hiểu sâu hơn một số khái niệm cơ bản trong LHĐN ($M = 4,85$, $SD = 0,999$) và giảm sự phụ thuộc vào giảng viên ($M = 4,84$, $SD = 1,081$). Kết quả là, khoảng 92% SV đồng ý rằng điểm kiểm tra của họ được cải thiện nhờ môi trường học tập thay đổi trong khi chỉ có khoảng 8% SV không đồng ý với mục này ($M = 4,82$, $SD = 1,009$). Vì những lợi ích của LHĐN, các SV nhận thấy rằng LHĐN này có thể là một chiến lược giảng dạy phù hợp ($M = 4,81$, $SD = 1,081$). Nhìn chung, bảng câu hỏi khẳng định thành tích học tập và mức độ hài lòng của SV không chuyên tiếng Anh, Trường Đại học Vinh ở mức độ cao. Nói cách khác, môi trường học tập đảo ngược có ảnh hưởng tích cực lớn đến nhận thức và kết quả học tập của SV. Hầu hết SV rất thích môi trường học tập này. Sử dụng tài liệu học tập trực tuyến, khuyến khích tương tác và vai trò của giảng viên là “chìa khóa” để tạo ra chất lượng học tập cao và SV tích cực.

2.3. Thảo luận

Theo phân tích kết quả khảo sát của SV, môi trường học tập bị xáo trộn có ảnh hưởng tích cực lớn đến nhận thức của SV không chuyên tiếng Anh, Trường Đại học Vinh và kết quả học tập của họ. Phản hồi của SV cho thấy rằng họ đánh giá cao chất lượng của các hoạt động ngoài lớp và trong lớp vì những hoạt động này giúp họ tăng cường hiểu biết về các khái niệm chính trước và trong lớp học. Hơn nữa, các phản hồi cũng chỉ ra những ưu điểm của mô hình này về hiệu quả học tập được cải thiện và sự hài lòng của SV. Trước khi đến lớp, các em đã chuẩn bị kỹ về tài liệu môn học nên trong giờ học, các em tích cực tham gia thảo luận nhóm. Qua đó, sự hài lòng và trải nghiệm học tập của SV được nâng cao một cách rõ rệt. Với hình thức thảo luận nhóm, SV có cơ hội để tham gia với các SV khác và họ có thể học hỏi nhiều kiến thức từ bạn bè của mình. Do đó, hiệu suất và kết quả học tập của SV đã được cải thiện. Kết quả của nghiên cứu này phù hợp với các nghiên cứu khác đã khảo sát hiệu quả của các môi trường học tập đảo ngược (Beatty & Albert, 2016) môi trường làm tăng sự hài lòng của SV. Nhờ các bài giảng hoặc bài học được chuẩn bị trước ở nhà, SV có thể tiếp cận kiến thức hầu như mọi lúc mọi nơi và tăng động lực tham gia vào bài học. SV cũng cho biết rằng mô hình học tập lấy SV làm trung tâm này có thể dẫn đến cải thiện kết quả học tập. Bên cạnh đó, việc học đảo ngược cũng có thể giúp họ ghi nhớ tốt hơn những gì họ đã học và hiểu. Điều này phù hợp với kết luận của các nghiên cứu được thực hiện bởi Eichler và Peebles (2016). Họ tuyên bố rằng LHĐN giúp học tập tích cực dẫn đến kết quả học tập thành công. Hơn nữa, SV hài lòng với mô hình này vì nó mang lại cách học chủ động, sử dụng thời gian hiệu quả trong lớp học, tự học theo nhịp độ, xem video bất cứ khi nào họ muốn. Nghiên cứu chỉ ra rằng SV thích học theo phương pháp đảo ngược hơn, tuy nhiên có một số thách thức mà họ gặp phải, như thiếu sự tương tác với giảng viên bên ngoài lớp học, tốn nhiều thời gian của SV, kết nối Internet chậm và thiếu thiết bị máy tính. Những phát hiện này phù hợp với những khó khăn mà SV đang gặp phải trong nghiên cứu của Hertz (2012). Họ đề cập rằng ở các khu vực nghèo, SV có thể không có quyền truy cập vào máy tính và internet mà LHĐN yêu cầu. Mặc dù mô hình LHĐN vẫn còn tồn tại những thách thức, nhưng những giải pháp này của SV có thể giúp giảm tác động tiêu cực đến môi trường học tập đảo ngược tại Trường Đại học Vinh.

3. Kết luận

Kết quả thu được từ bảng câu hỏi, quan sát và phỏng vấn cho thấy, mô hình LHĐN là một chiến lược dạy học hiệu quả được sử dụng tại Trường Đại học Vinh, phù hợp với nhu cầu của SV ở trình độ đại học, phát triển tư duy bậc cao và kỹ năng giải quyết vấn đề của họ. *Thứ nhất*, nghiên cứu cho thấy nhận thức của hầu hết SV được khảo sát ở Trường Đại học Vinh rất tích cực, họ nhận thấy mô hình này hấp dẫn và thú vị bởi vì tạo ra sự khác biệt thực sự; *Thứ hai*, SV tham gia vào các hoạt động đa dạng của lớp trong môi trường học tập đảo ngược đã cạnh tranh, học hỏi

và làm việc tích cực hơn với những người khác trong khi thảo luận nhóm. Vì vậy, nhờ những hoạt động trên lớp, SV Trường Đại học Vinh nhận thấy rằng mình trở nên năng động và tràn đầy năng lượng hơn trong môi trường học tập đảo; *Thứ ba*, trong môi trường học tập đảo ngược, SV trở thành nhân vật chính trong quá trình học tập của chính họ, họ đóng vai trò tích cực, tự chủ và hợp tác ngay từ đầu nên họ có thể học được nhiều từ tài liệu học tập trực tuyến vì mô hình này hỗ trợ một cách đa dạng, cho phép họ có thêm thời gian để nghiên cứu tài liệu; *Thứ tư*, SV hài lòng với việc giảng dạy trong LHDN và thể hiện sự cải thiện về khả năng siêu nhận thức, học tập tự định hướng. Bên cạnh điểm số của SV được cải thiện, khả năng tự học và khả năng giao tiếp cũng được phát triển, điều này càng làm tăng tính tự chịu trách nhiệm trong học tập của các em.

Tài liệu tham khảo

- Ahmed, H. O. K. (2016). Flipped Learning As A New Educational Paradigm: An Analytical Critical Study. *European Scientific Journal*, 12(10), 417-444.
- Beatty, B. J., & Albert, M. (2016). Student perceptions of a flipped classroom management course. *Journal of Applied Research in Higher Education*, 8(3), 316-328. <https://doi.org/10.1108/JARHE-09-2015-0069>
- Bergmann, J., & Sams, A. (2012). *Flip your classroom: reach every student in every class every day*. International Society for Technology in Education.
- Davies, R. S., Dean, D. L., & Ball, N. (2013). Flipping the classroom and instructional technology integration in a college-level information systems spreadsheet course. *Educational Technology Research and Development*, 61(4), 563-580.
- Eichler, J. F., & Peeples, J. (2016). Flipped classroom modules for large enrollment general chemistry courses: A low barrier approach to increase active learning and improve student grades. *Chemistry Education Research and Practice*, 17, 197-208.
- Ghufron, M. A., & Nurdianingsih, F. (2021). Flipped classroom method with Computer-Assisted Language Learning (CALL) in EFL writing class. *International Journal of Learning, Teaching and Educational Research*, 20(1), 120-141.
- Hertz, M. B. (2012). *The Flipped Classroom: Pro and Con*. <http://www.edutopia.org/blog/flipped-classroom-pro-and-con-mary-bethhertz>
- Li, L., Yang, S. (2021). Exploring the influence of teacher-student interaction on university students' self-efficacy in the flipped classroom. *Journal of Education and Learning*, 10(2), 84-90.
- Luu Thị Kim Nhung, Lê Hà Chi (2021). Tác động của mô hình “Lớp học đảo ngược” đối với năng lực vận dụng ngữ pháp trong bài viết tiếng Anh. *Tạp chí Giáo dục*, 511, 35-40.
- Mohammad Amiryousefi (2017). *The incorporation of flipped learning into conventional classes to enhance EFL learners' L2 speaking, L2 listening, and engagement*. *Innovation in language learning and teaching*, 13(2), 147-161. <https://doi.org/10.1080/17501229.2017.1394307>
- Santikarn, B., & Wichadee, S. (2018). Flipping the Classroom for English Language Learners: A Study of Learning Performance and Perceptions. *International Journal of Emerging Technologies in Learning*, 13(09), 123-135. <https://doi.org/10.3991/ijet.v13i09.7792>
- Van Hung, T., Yellishetty, M., Thanh, N. T., & Patil, A. (2017). The application of flipped classroom in teaching university students: A case study from Vietnam. *International Journal of Quality Assurance in Engineering and Technology Education*, 6(1), 40-52.